|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH THÁI BÌNH  TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Kế toán

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 640 /QĐ-ĐHTB, ngày 14 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình )*

1. Tên học phần: Kiểm soát nội bộ Mã học phần: 0101002378

2. Số tín chỉ: 2 (2,0,4)

3. Trình độ: Cho sinh viên năm thứ 4

4. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết (2 tiết lên lớp/ tuần)

+ Giảng lý thuyết: 20 tiết

+ Seminar/Bài tập: 8 tiết

+ Kiểm tra: 02 tiết: Số bài kiểm tra định kỳ: 02 bài

5. Điều kiện tiên quyết: Kiểm toán 1, Kiểm toán 2.

6. Mục tiêu của học phần:

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng:

*6.1. Về kiến thức*:

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản mang tính chất nguyên lý của hoạt động kiểm soát nội bộ. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể: Biết các yếu tố cấu thành kiểm soát nội bộ, hiểu được quy trình kiểm soát từ khâu mua hàng, bán thu chi tiền, các khoản nợ phải thu, phải trả, kiểm soát nội bộ về tài sản doanh nghiệp mang tính chuyên nghiệp

*6.2. Về kỹ năng:*

Nhận thức được những vấn đề cần thiết và quan trọng trong kiểm soát nội bộ nói chung và kiểm soát nội bộ theo COSO nói riêng. Qua đó vận dụng vào thực tế trong công tác kiểm soát tổng thể, hoặc theo từng chu trình kiểm soát riêng biệt tại doanh nghiệp.

*6.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:*

- Có ý thức quan tâm đến các bước kiểm soát và quá trình kiểm soát nội bộ các chu trình trong thực tế doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp giúp doanh nghiệp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, đối tượng, phương pháp của kiểm soát nội bộ, các khái niệm và quy trình cơ bản sử dụng trong việc tổ chức các quy trình kiểm soát nội bộ theo từng đối tượng gắn liền với mục tiêu kiểm soát.

- Trên cơ sở các kiến thức cơ bản về KSNB đã được cung cấp sinh viên có thể thực hiện thiết lập các thủ tục, trình tự KSNB thích hợp đối với các đối tượng tải sản, nợ phải trả mà kế toán cần quản lý.

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp: trên 80%.

- Tham gia đầy đủ 02 bài kiểm tra, 01 bài thi kết thúc học phần

- Tự học: 60 tiết

- Khác: Theo yêu cầu của giảng viên

9. Tài liệu học tập:

- Giáo trình chính:

[1] Tập Bài giảng môn Kiểm soát nội bộ (2019) - Lưu hành nội bộ - Khoa Kế toán Kiểm toán - Trường Đại học Thái Bình.

- Tài liệu tham khảo:

[2] TS Nguyễn Viết Lợi (2007), Giáo trình *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính, Học viện Tài chính.

[3] GS.TS Nguyễn Quang Tuynh (2011), *Giáo trình* *Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính, Học viện Tài chính.

[4] TS Lưu Đức Tuyên (2010), *Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính*, NXB Tài chính, Học viện Tài chính.

- Khác: Tạp chí kế toán; các website: mof.gov.vn; ketoan.org; webketoan.vn; tapchiketoan.com;...

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT- BGDĐT về “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”; Quyết định số 337/QĐ - ĐHTB ngày 15 tháng 7 năm 2019 của trường Đại học Thái Bình ban hành “Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Thái Bình”;

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
| 1 | Điểm đánh giá  giảng viên | Đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà. | 10% |  |
| 2 | Điểm kiểm tra định kỳ | 02 bài kiểm tra | 30% |  |
| 3 | Thi kết thúc  học phần | 01 bài thi | 60% | Thi tự luận  Thời gian thi 60 phút |

11. Thang điểm:

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

12. Nội dung chi tiết học phần:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| CHƯƠNG | TÊN CHƯƠNG | LÝ THUYẾT  (tiết) | THỰC HÀNH  (tiết) | KIỂM TRA  (tiết) |
| 1 | Tổng quan về kiểm soát nội bộ | 2 |  |  |
| 2 | Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO | 4 |  |  |
| 3 | Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền | 6 |  |  |
| 4 | Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền | 4 |  |  |
| 5 | Kiểm soát chu trình tiền lương | 3 |  | 1 |
| 6 | Kiểm soát tiền | 4 |  |  |
| 7 | Kiểm soát tài sản cố định hữu hình | 5 |  | 1 |
| Tổng cộng: | | 28 |  | 02 |

13. Hình thức và nội dung từng tuần:

| Hình thức TC DH | Nội dung | Thời gian (tiết) | Yêu cầu SV chuẩn bị và địa chỉ tư liệu | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tuần 1 | **Chương 1: Tổng quan về kiểm soát nội bộ** | 2 | Tài liệu [1] |  |
| Lý thuyết | 1.1 Định nghĩa về KSNB.  1.2 Lịch sử phát triển KSNB.  1.3 Báo cáo COSO. | 2 | - Tài liệu [1] Chương 1  - Đọc thêm  + *Tài liệu [2]* Chương 6 (mục 6.1, 6.2) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 2 | **Chương 2: Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO** | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4] |  |
| Lý thuyết | 2.1 Môi trường kiểm soát  2.2 Đánh giá rủi ro | 2 | - Tài liệu [1] Chương 2  - Đọc thêm  + *Tài liệu [2]* Chương 6 (mục 6.2, 6.3) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 3 | Chương 2: Khuôn mẫu hệ thống KSNB theo báo cáo COSO (tiếp) | 2 |  |  |
| Lý thuyết | 2.3 Họat động kiểm soát  2.4 Thông tin và truyền thông  2.5 Giám sát | 2 | Tài liệu [1] Chương 2  - Đọc thêm  + *Tài liệu [2]* Chương 6 (mục 6.2, 6.3) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 4 | **Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền** | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 3.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát. | 2 | Tài liệu [1] Chương 3  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 10 + *Tài liệu [4]* Chương 3 (mục 3.2) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 5 | Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền (tiếp) | 2 |  |  |
| Lý thuyết | 3.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền. | 2 | Tài liệu [1] Chương 3  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 10 + *Tài liệu [4]* Chương 3 (mục 3.2) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 6 | Chương 3: Kiểm soát chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 3.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình mua hàng, tồn trữ và trả tiền.(tiếp) | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 7 | Chương 4: Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 4.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát  4.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình bán hàng – thu tiền. | 2 | Tài liệu [1] Chương 4  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 9 + *Tài liệu [4]* Chương 2 (mục 2.2) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 8 | Chương 4: Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 4.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình bán hàng – thu tiền. | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 9 | Chương 5: Kiểm soát chu trình tiền lương | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 5.1 Đặc điểm, sai phạm có thể xảy ra và mục tiêu kiểm soát.  5.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình tiền lương | 2 | Tài liệu [1] Chương 5  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 12 + *Tài liệu [4]* Chương 5 (mục 5.2) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 10 | Chương 5: Kiểm soát chu trình tiền lương (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 5.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với chu trình tiền lương (tiếp) | 1 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá | Kiểm tra bài số 1 | 1 |  |  |
| Tuần 11 | Chương 6: Kiểm soát tiền | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 6.1 Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát.  6.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với thu, chi và tồn quỹ | 2 | Tài liệu [1] Chương 6  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 15 + *Tài liệu [4]* Chương 5 (mục 5.3) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 12 | Chương 6: Kiểm soát tiền (tiếp) | 2 |  |  |
| Lý thuyết | 6.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với thu, chi và tồn quỹ | 2 | làm slide và thuyết trình theo nhóm. |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 13 | Chương 7: Kiểm soát tài sản cố định hữu hình | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | 7.1 Đặc điểm và mục tiêu kiểm soát. | 2 | Tài liệu [1] Chương 7  - Đọc thêm  + *Tài liệu [3]* Chương 13 + *Tài liệu [4]* Chương 5 (mục 5.1) |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 14 | Chương 7: Kiểm soát tài sản cố định hữu hình (tiếp) | 2 | Tài liệu [1]; [3]; [4]; |  |
|  |  |  |  |  |
| Lý thuyết | 7.2 Các thủ tục kiểm soát chủ yếu đối với TSCĐ hữu hình | 2 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá |  |  |  |  |
| Tuần 15 | Ôn tập và kiểm tra | 2 | Tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]; |  |
| Lý thuyết | Ôn tập | 1 |  |  |
| Kiểm tra  Đánh giá | Làm bài kiểm tra hết môn | 1 |  |  |

14. Nguồn lực giảng dạy học phần:

14.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị:

* Phòng học: Phòng lý thuyết.

* Trang thiết bị: Máy chiếu, âm thanh, máy tính.

**14.2. Giảng viên giảng dạy:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị. Họ và tên** | **Điện thoại** | **Email** |
| 1 | ThS.Trần Thị Phương Chi | 0915941718 | tranphuongchi2007@gmail.com |
| 2 | ThS.Phạm Thị Quỳnh | 0976346437 | phamquynh56@gmail.com |
| 3 | ThS.Trần Thị Thanh Tâm | 0974613216 | tranthithanhtam84@gmail.com |

**15. Các quy định chung**

|  |  |
| --- | --- |
| Cam kết của giảng viên | Giảng đúng kế hoạch giảng dạy, đúng đề cương chi tiết học phần và đúng thời lượng tiết học, thời gian quy định |
| Quy định về tham dự lớp học | Trang phục theo quy định của Trường, Khoa; có giáo trình, tài liệu môn học |
| Quy định về hành vi trong lớp học | Nghiêm túc, tích cực |
| Quy định về học vụ | Làm đầy đủ các yêu cầu của giảng viên. |
| Các quy định khác | Thực hiện đúng quy tắc ứng xử của Trường |

*Thái Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2019*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỞNG KHOA  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  TS. Đặng Nguyên Mạnh | TRƯỞNG BỘ MÔN  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  ThS. Nguyễn Thái Hà |